



OVAL HÒA LẠC
Km11 QL21, Phù Cát, Quốc Oai, HN
Tel: 091.867.0909
Email: hoalac@oval.vn

VPDD HỒ CHÍ MINH
BT 16LK2, KĐT Hà Đô, Thới An, Quận 12, HCM.
Tel/Fax: 091.867.0909
Email: Oval.HCM@oval.vn

OVAL TỔNG CÔNG TY
KĐT Geleximco Đại lộ Thăng Long, An
Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.
Tel: 0243.831.1925
Email: Contact@oval.vn

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP OVAL VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2021.

BẢO GIÁ

(No.211204/OVAL)

BÊN BÁN				BÊN MUA					
CHI NHÁNH HÒA LẠC CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP OVAL VIỆT NAM				QUÝ KHÁCH HÀNG					
Trụ sở: Thôn 7, Xã Phú Cát, Huyện Quốc Oai, TP Hà Nội. VPGD: Số 12 A16 KĐT Geleximco Đại lộ Thăng Long Nhà máy: Đội 9, Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội.				Địa chỉ :					
Tel/Fax/Email: 0243.206.6060/ 091.867.0909				Tel/Fax/ Email :					
Mã số thuế: 0107622116-003				MS thuế/ MS Doanh Nghiệp :					
Tài khoản số:				Tài khoản số:					
Người bán hàng : Mobi				Người mua :Mobi					
CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM PANEL CHUYÊN DỤNG									
TT	MÃ SẢN PHẨM	CHI TIẾT SẢN PHẨM	Đơn vị tính	SL/chi tiết (Tấm)	SL/tính (m2)	SL tổng (m2)	Đơn giá (Chưa VAT)	Thành tiền (Chưa VAT)	Hãng SX/ Xuất xứ/ Bảo hành
I TẤM VÁCH (PANEL) CÁCH ÂM CÁCH NHIỆT dày 40mm-PU CHỐNG CHÁY LAN/ghép nối +_, tấm dài tối đa 06m.									
1	OV2T0.4PU40	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	356.000	356.000	Oval/01Yr
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm panel 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm							
	Độ dày tấm/chiều dài tối đa	40mm/Max 6000mm							
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.4mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312							
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 40mm, tỷ trọng 40kg/m3 (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)							
2	OV2T0.45PU40	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	384.000	384.000	Oval/01Yr

	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 50mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
2	OV2T0.45PU50	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	418.000	418.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	50mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.45mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 50mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
3	OV2T0.5PU50	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	445.000	445.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	50mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.5mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 50mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
4	OV2T0.6PU50	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	489.000	489.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	50mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.6mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 50mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
5	OV2T0.8PU50	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	595.000	595.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	50mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.8mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 50mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
III TẤM VÁCH (PANEL) CÁCH ÂM CÁCH NHIỆT dày 60mm-PU CHỐNG CHÁY LAN/ghép nối +_, tấm dài tối đa 06m.										
1	OV2T0.4PU60	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	423.000	423.000	Oval/01Yr	

	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	60mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.4mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 60mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC,sai số tỷ trọng +_5%)								
2	OV2T0.45PU60	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	452.000	452.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	60mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.45mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 60mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
3	OV2T0.5PU60	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	480.000	480.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	60mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.5mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 60mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
4	OV2T0.6PU60	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	523.000	523.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	60mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.6mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 60mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC,sai số tỷ trọng +_5%)								
5	OV2T0.8PU60	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	630.000	630.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	60mm/ Max 6000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.8mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								

	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 60mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
IV TẤM VÁCH (PANEL) CÁCH ÂM CÁCH NHIỆT dày 75mm-PU CHỐNG CHÁY LAN/ghép nối +_, tấm dài tối đa 06m.										
1	OV2T0.4PU75	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	474.000	474.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	75mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.4mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 75mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
2	OV2T0.45PU75	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	500.000	500.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	75mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.45mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 75mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
3	OV2T0.5PU75	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	530.000	530.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	75mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.5mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 75mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
4	OV2T0.6PU75	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	573.000	573.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	75mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.6mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 75mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC)								
5	OV2T0.8PU75	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	580.000	580.000	Oval/01Yr	

	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	75mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.8mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 75mm, tỷ trọng 40kg/m3 (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
V	TẤM VÁCH (PANEL) CÁCH ÂM CÁCH NHIỆT dày 100mm-PU CHỐNG CHÁY LAN/ghép nối +_, tấm dài tối đa 3.5m.									
1	OV2T0.45PU100	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	618.000	618.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	100mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.45mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 100mm, tỷ trọng 40kg/m3 (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
2	OV2T0.5PU100	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	647.000	647.000		
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	100mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.5mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 100mm, tỷ trọng 40kg/m3 (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
3	OV2T0.6PU100	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	690.000	690.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	100mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.6mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 100mm, tỷ trọng 40kg/m3 (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
4	OV2T0.8PU100	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	850.000	850.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	100mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 0.8mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								

	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 100mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
5	OV2T1.0PU100	Tôn lạnh 2 lớp ngoài có cán gân tăng cứng màu ghi sáng, ghép nối định dạng khớp chữ T	m2	1	1	1	900.000	900.000	Oval/01Yr	
	Khổ tiêu chuẩn	Khổ rộng tấm 1157mm, lắp ghép hữu dụng 1140mm								
	Độ dày tấm/độ dài tối đa	100mm/ Max 3000mm								
	Tole bao ngoài	Tôn lạnh màu dày 1.0mm, SX theo tiêu chuẩn JIS G3312								
	Lớp cách âm, cách nhiệt:	Lớp PU chống cháy lan dày 100mm, tỷ trọng 40kg/m ³ (Loại thân thiện với môi trường- không chứa chất HCFC, sai số tỷ trọng +_5%)								
Tổng giá trị (Chưa bao gồm 10% thuế VAT)										
<p>Ghi chú về kích thước sản phẩm/ giá bán: Oval sản xuất tấm panel chỉ có 1 khổ tiêu chuẩn 1157/1140, có thể cán sóng trên bề mặt, có thể không cán sóng theo yêu cầu, bề mặt panel thành phẩm có phủ 1 lớp PVC chống xước, khi làm các kích thước khác đề nghị hai bên thông nhất thiết kế và tính giá cụ thể tùy theo mức độ phức tạp của sản xuất và hao phí vật liệu.</p> <p>Tấm Panel có Camlock : Camlock sẽ được tính theo bộ (một nửa nằm trên khớp Dương của tấm, một nửa nằm trên khớp Âm của tấm), mỗi bộ Camlock giá tính theo bộ đã đúc vào khớp nối của tấm panel 65.000đ/chưa bao gồm VAT (camlock để nhựa lõi thép)</p> <p>Thay đổi tỷ trọng PU: Oval sản xuất 4 loại tỷ trọng chính 40kg/m³, 45kg/m³; 50kg/m³, 55kg/m³ ; Mỗi loại sẽ tính giá cụ thể và tính đến thời gian đặt hàng loại PU không phổ biến.</p>										

Thông số kỹ thuật chung:

1 Tôn Lạnh mạ màu của sản phẩm là tôn mạ hợp kim Nhôm - kẽm, TCCL Nhật Bản JIS G3302 - JISG 3312. màu tấm panel phổ thông là Ghi sáng, các màu khác đặt hàng hoặc thỏa thuận cụ thể trên hợp đồng.

2 Polyurethane là hợp chất cơ bản giữa Isocyanate và Polyol có tỷ trọng từ 40-60 kg/m³ (Hiện đang sử dụng loại không có chất HCFC theo cam kết khi Việt Nam vào WTO). Nhờ khả năng cách nhiệt, cách âm tốt, tính năng chống cháy lan mà PU được ứng dụng nhiều trong sản xuất tấm lợp, kho lạnh, trạm BTS (shelter), tủ lạnh và nhiều sản phẩm công nghiệp, gia dụng khác, các FOAM có tính trợ hoá học cao nên không ảnh hưởng đến môi trường, độ bền rất cao (Hiện đang dùng sản phẩm của hãng ASAHI Nhật Bản)

Điều kiện thương mại :

- 1 Thời gian giao hàng :
- 2 Địa điểm giao hàng :
- 3 Điều kiện thanh toán :

Xin trân trọng cảm ơn và mong có sự hợp tác..!

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA